

Tiếp biến tinh thần nhập thế của Phật giáo trong truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu

ISSN: 2734-9195 15:44 21/08/2026

Nguyễn Đình Chiểu không tiếp nhận toàn bộ tư tưởng Phật giáo mà chủ yếu kế thừa tinh thần tích cực, chủ động, phạm vi ứng dụng và lợi ích mang lại – đưa đạo vào đời, lấy cứu người, giúp đời làm mục đích của sự tu dưỡng.

Tác giả: **Nguyễn Thị Kiều Thu (Thích nữ Nhuận Bảo)**

Học viên Cao học ngành Văn học Việt Nam – Khóa 2022

Trường Đại học Văn Hiến – TP.Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Nguyễn Đình Chiểu thường được nghiên cứu như một nhà Nho tiêu biểu với tư tưởng nhân nghĩa và lòng yêu nước, trong khi những giá trị được tiếp biến từ Phật giáo trong sáng tác của ông vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

Trên cơ sở khảo sát ba truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu và Ngư Tiều y thuật vấn đáp, bài viết tiếp cận tinh thần nhập thế của Phật giáo như một dòng chảy văn hóa – tư tưởng được Nguyễn Đình Chiểu chọn lọc và chuyển hóa trong hệ giá trị đạo đức của mình.

Thông qua phương pháp phân tích văn bản kết hợp đối chiếu với tư tưởng Phật giáo Việt Nam, bài viết chỉ ra rằng tinh thần nhập thế không được biểu hiện ở sự truyền bá giáo lý hay khẳng định niềm tin tôn giáo, mà ở quan niệm hành đạo gắn với cuộc đời, lấy cứu người, cứu đời, hành thiện và phụng sự cộng đồng làm mục đích.

Nguyễn Đình Chiểu đã chuyển hóa tinh thần từ bi, lợi tha và cứu khổ của Phật giáo thành lý tưởng nhân nghĩa, trách nhiệm xã hội và ý thức cứu dân, cứu nước phù hợp với bối cảnh lịch sử thế kỷ XIX.

Bài viết góp phần làm sáng tỏ sự giao thoa Nho – Phật trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời khẳng định tính sáng tạo của ông trong quá trình tiếp

biến các giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng một hệ tư tưởng đạo đức mang đậm bản sắc dân tộc.

Key words: Nguyễn Đình Chiểu, tinh thần nhập thế của Phật giáo, Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngư tiều y thuật vấn đáp, Văn học Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX.

I. Đặt vấn đề

Nguyễn Đình Chiểu là một trong những tác gia lớn của văn học Việt Nam thế kỷ XIX, đồng thời là đối tượng được nghiên cứu từ nhiều góc độ như tư tưởng nhân nghĩa, đạo đức Nho giáo, chủ nghĩa yêu nước và văn học chống thực dân.

Trong bối cảnh văn hóa Việt Nam truyền thống được kiến tạo bởi sự giao thoa giữa Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo, việc khảo sát sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu từ phương diện tiếp biến các giá trị tư tưởng, đặc biệt là ảnh hưởng của Phật giáo, vẫn chưa được quan tâm tương xứng.

Những nghiên cứu liên quan chủ yếu tập trung vào quan điểm của ông đối với Phật giáo qua Dương Từ - Hà Mậu, trong khi chưa đặt vấn đề khảo sát tinh thần nhập thế như một giá trị văn hóa - tư tưởng được thể hiện xuyên suốt trong các truyện thơ Nôm.

Trong truyền thống Phật giáo Việt Nam, nhập thế không chỉ là một quan niệm tu hành mà còn là tinh thần gắn đạo với đời, lấy cứu khổ, lợi tha và phụng sự cộng đồng làm phương thức thực hành đạo.

Tiếp cận từ phương diện này cho phép nhận diện một lớp nghĩa tư tưởng trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu, nơi những giá trị của Phật giáo không hiện diện như hệ thống giáo lý hay tín ngưỡng, mà được chuyển hóa thành quan niệm hành đạo giữa cuộc đời, đề cao trách nhiệm xã hội và lý tưởng cứu người, cứu đời. Điều đó cũng góp phần lý giải vì sao trong nhiều sáng tác của ông, đặc biệt là các truyện thơ Nôm, giá trị của con người luôn được khẳng định thông qua hành động thực tiễn hơn là sự tu dưỡng mang tính xuất thế.

Trên cơ sở khảo sát ba truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu và Ngư Tiều y thuật vấn đáp, bài viết tập trung làm rõ sự tiếp biến tinh thần nhập thế của Phật giáo trong tư tưởng nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu qua ba phương diện: quan niệm hành đạo gắn với cuộc đời; sự chuyển hóa tinh thần từ bi, lợi tha thành lý tưởng nhân nghĩa và hành động cứu người; và việc xác lập giá trị của đạo thông qua sự phụng sự cộng đồng, dân tộc.

Bài viết góp phần bổ sung góc nhìn về sự giao thoa Nho – Phật trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời làm rõ tính sáng tạo của ông trong quá trình tiếp nhận và Việt hóa các giá trị tư tưởng truyền thống.



Ảnh sưu tầm

II. Nội dung

1. Tinh thần nhập thế của Phật giáo và cơ sở tiếp cận

Thuật ngữ “*nhập thế*” có thể hiểu theo Hán-Việt là đi vào đời, dẫn thân vào xã hội, ý nói sống với người đời và gánh các việc đời, hay thể nhập vào xã hội con người bằng những gì tốt đẹp nhằm cải thiện cuộc sống của con người... Danh

ngữ “*Phật giáo nhập thế*” (the Engaged Buddhism) được hiểu bằng Tiếng Việt như “*đạo Phật vào đời*”, “*đạo phật dẫn thân*” hay “*đạo phật nhập cuộc*”.

“*Phật giáo nhập thế*” tức là mang giáo lý Phật giáo tiếp cận cuộc sống của quảng đại quần chúng, nhằm đẩy mạnh hoạt dụng của lời dạy đức Phật vào nhân gian, hay nói cách khác phát huy tính chất lợi tha trong giáo pháp của đức Như Lai. Nhập thế vì vậy không phải là sự thế tục hóa Phật giáo, không phải là sự hòa nhập vào đời sống thế tục theo nghĩa thông thường mà là cách Phật giáo đi vào đời sống nhân gian bằng tinh thần tỉnh thức và lòng từ bi, từ sự thực hành đạo giữa cuộc đời, lấy cứu khổ, lợi tha và giác ngộ chúng sinh làm mục đích.

Thời Đức Phật còn tại thế, Ngài đã dạy các đệ tử của mình đi hoằng hóa giáo pháp: “*Này các tỳ khưu, hãy cất bước du hành vì lợi ích của nhiều người, vì an lạc của nhiều người, vì lòng thương xót thế gian, vì sự tiến hóa, sự lợi ích, sự an vui của chư Thiên và nhân loại, chớ đi hai người chung một (đường)*”. Tinh thần Phật giáo nhập thế được hiểu là khuynh hướng gắn việc tu dưỡng đạo đức và trí tuệ với trách nhiệm xã hội, lấy cứu người, giúp đời và phụng sự cộng đồng làm phương thức hành đạo. Từ quan điểm của trường phái Phật giáo Đại thừa, lý tưởng Bồ Tát khẳng định con đường tu tập không tách rời con người và xã hội.

Trong Kinh Pháp Hoa, hình tượng Bồ Tát luôn hiện thân vào các hoàn cảnh khác nhau để hóa độ chúng sinh; còn Kinh Hoa Nghiêm đề cao hạnh nguyện “*lợi lạc hữu tình*”, xem việc phụng sự chúng sinh là điều kiện để viên thành Phật quả. Chính vì vậy, nhập thế không đối lập với giải thoát, mà là phương thức hiện thực hóa tinh thần từ bi và trí tuệ ngay trong đời sống hiện thực.

Khi du nhập vào Việt Nam, tinh thần ấy tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp với điều kiện lịch sử và văn hóa dân tộc. Đến thời Lý – Trần, Phật giáo nhập thế trở thành một đặc điểm nổi bật của tư tưởng Phật giáo Việt Nam, được thể hiện tập trung qua quan niệm “*Cư trần lạc đạo*” của Trần Nhân Tông. “*Cư trần*” là sống giữa cõi đời, còn “*lạc đạo*” là an nhiên trong đạo; hai phương diện ấy thống nhất ở quan niệm đạo không tách rời cuộc đời, việc tu hành được thực hiện ngay trong quá trình phụng sự đất nước và nhân dân.

Sau khi xuất gia, Trần Nhân Tông vẫn trực tiếp tham gia những công việc hệ trọng của quốc gia, mở các pháp hội, giáo hóa dân chúng, khuyến hóa thực hành Thập thiện và góp phần xây dựng khối đoàn kết dân tộc. Trần Văn Giáp nhận định: “*Phật giáo Việt Nam không phát triển theo hướng kinh viện mà chủ yếu hòa nhập vào đời sống tinh thần của nhân dân, trở thành một nguồn lực đạo đức và văn hóa quan trọng của xã hội truyền thống*”. Điều đó cho thấy tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam không hướng con người đến sự thoát ly

hiện thực mà nhấn mạnh trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ đối với cộng đồng.

Như vậy, tinh thần nhập thế của Phật giáo trong phạm vi hẹp có thể được giới hạn ở ba tiêu chí nhận diện.

Thứ nhất, hành đạo gắn với cuộc đời, tức khẳng định giá trị của con người thông qua sự dẫn thân và trách nhiệm đối với xã hội thay vì lựa chọn lối sống thoát ly hiện thực.

Thứ hai, lấy cứu khổ, lợi tha làm mục đích của hành động, biểu hiện ở tinh thần cứu người, giúp đời, đề cao lòng từ bi và sự hy sinh vì người khác.

Thứ ba, xác lập giá trị của đạo thông qua sự phụng sự cộng đồng và dân tộc, nghĩa là đạo chỉ thực sự có ý nghĩa khi được thể hiện bằng những hành động đem lại lợi ích cho con người và xã hội.

Từ góc độ nghiên cứu văn học, bài viết sử dụng khái niệm tiếp biến để chỉ quá trình tiếp nhận có chọn lọc, chuyển hóa và tái cấu trúc những giá trị văn hóa đã trở thành tài sản tinh thần chung của dân tộc.

Theo cách tiếp cận này, tinh thần nhập thế được xem như một hệ giá trị văn hóa hơn là một phạm trù thuần túy tôn giáo, bài viết không đặt mục tiêu khảo sát ảnh hưởng trực tiếp của giáo lý Phật giáo đối với Nguyễn Đình Chiểu mà tập trung nhận diện sự chuyển hóa các giá trị từ bi, cứu khổ và lợi tha thành lý tưởng nhân nghĩa, y đạo và trách nhiệm xã hội trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu được thể hiện qua ba tác phẩm truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu và Ngư Tiều y thuật vấn đáp.



Khu di tích lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu tại tỉnh Bến Tre cũ, nay là tỉnh Vĩnh Long. Ảnh sưu tầm

2. Biểu hiện tinh thần nhập thế của Phật giáo trong truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu

2.1 Sự chuyển hóa từ lý tưởng tu thân đến hành động dẫn thân nhập thế: đạo giữa cuộc đời

Một trong những biểu hiện quan trọng của sự tiếp biến tinh thần nhập thế của Phật giáo trong ba truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu là sự chuyển hóa quan niệm về Đạo. Nếu trong truyền thống Nho giáo, đặc biệt từ hệ tư tưởng Tống Nho, Đạo chủ yếu được thực hiện thông qua con đường tu thân, lập thân và hành đạo bằng công danh để thực hiện lý tưởng "*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*", thì ở Nguyễn Đình Chiểu, Đạo không còn được đo bằng vị thế xã hội hay sự thành đạt trong khoa cử, mà trước hết được kiểm chứng bằng thái độ ứng xử trước con người và cuộc đời. Nói cách khác, giá trị của Đạo không nằm ở việc con người thuộc về tôn giáo nào hay đạt được địa vị gì, mà ở khả năng hành động vì người khác trong những hoàn cảnh cụ thể của đời sống.

Quan niệm ấy có nhiều điểm tương thông với tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Từ thời Trần, tư tưởng "*cư trần lạc đạo*" của Trần Nhân Tông đã khẳng định rằng đạo không tách rời cuộc đời; con người không cần rời bỏ thế gian mà có thể thực hành đạo ngay trong các mối quan hệ xã hội, lấy lợi ích của con người và đất nước làm mục đích.



Khu di tích lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu tại tỉnh Bến Tre cũ, nay là tỉnh Vĩnh Long. Ảnh sưu tầm

Trong Cư trần lạc đạo phú, Trần Nhân Tông viết: *"Ở đời vui đạo hãy tùy duyên"*. Hai chữ *"tùy duyên"* không phải là thái độ buông xuôi theo hoàn cảnh, mà là khả năng vận dụng đạo một cách linh hoạt để ứng xử với thực tiễn. Tác giả Thích Phước Đạt nhận định: *"Trần Nhân Tông đã hiểu rõ, tiếp thu những tinh hoa tư tưởng từ một nền Phật giáo chú trọng để chuyển sang nền Phật giáo thế sự, đáp ứng các nhu cầu lịch sử đặt ra"*. Vì vậy, tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam không đặt nặng việc giữ gìn hình thức của giáo lý, mà nhấn mạnh việc hiện thực hóa đạo thông qua hành động vì con người.

Tiếp nhận tinh thần ấy trong bối cảnh xã hội thế kỷ XIX, Nguyễn Đình Chiểu không diễn giải giáo lý Phật giáo mà chuyển hóa thành một quan niệm hành đạo mang đậm bản sắc dân tộc. Trong Lục Vân Tiên, ngay lần xuất hiện đầu tiên, nhân vật chính không được giới thiệu bằng học vấn hay chí hướng công danh, mà bằng hành động cứu người. Trên đường ứng thí, gặp bọn cướp Phong Lai hoành hành, Lục Vân Tiên lập tức *"bẻ cây làm gậy"* xông vào đánh cướp, giải cứu dân lành và Kiều Nguyệt Nga:

*"Tôi xin ra sức anh hào
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này"*

Chi tiết này cho thấy những chuẩn mực đạo đức tồn tại trong sách vở, mà được hiện thực hóa bằng hành động kịp thời trước nỗi khổ của tha nhân. Điều đáng chú ý là hành động ấy diễn ra khi Lục Vân Tiên vẫn chỉ là một sĩ tử chưa đỗ đạt, chưa có địa vị xã hội. Như vậy, ở Nguyễn Đình Chiểu, đạo đi trước công danh, và chính đạo mới là điều làm nên giá trị của con người. Đặt trong tương quan với Nguyễn Công Trứ, nét riêng trong quan niệm về đạo của Nguyễn Đình Chiểu càng hiện rõ. Là đại diện tiêu biểu của nhà Nho hành đạo theo lý tưởng lập thân, Nguyễn Công Trứ nhiều lần khẳng định chí làm trai gắn với việc lập công, lập danh để phụng sự triều đình:

*"Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông"*

Ở Nguyễn Công Trứ, công danh là con đường hiện thực hóa đạo làm tôi và lý tưởng kinh bang tế thế. Điểm đáng chú ý ở đây vẫn là vị thế của con người ở trong một không gian rất rộng lớn, thênh thang, bát ngát đó là *"ở trong trời đất"*. *"Trời đất"* ở đây có nghĩa là thiên hạ. Trong khi *"núi sông"* ở câu thơ sau là ẩn ý chỉ đất nước. Đáng nói, ở đây là cụm từ *"mang tiếng"*, không phải từ nhẹ hơn là *"mang danh"* hay một từ gì khác. Theo nhà nghiên cứu Trần Đình Sử: *"mang*

tiếng nghĩa là mang tiếng làm người. Làm người thì phải có “danh gì” mới xứng đáng. Hai chữ danh gì đầy hàm ý: Đó là danh tiếng, là công danh, đủ để lưu danh hậu thế”.

Trong khi đó, Nguyễn Đình Chiểu không phủ nhận công danh nhưng không xem đó là điều kiện tiên quyết để thực hành đạo. Lục Vân Tiên cứu dân khi chưa đỗ đạt; Ngư và Tiều cứu người mà không cần quyền lực; Dương Từ và Hà Mậu tìm kiếm chân lý không nhằm đạt địa vị xã hội. Khi Lục Vân Tiên đi thi, nghe Tử Trực hỏi ông Quán rằng:

*"Thương dân sao chẳng lập thân,
Để khi nắng hạ toan phần lấm mưa?
thấy ông Quán trả lời rằng:
...Nghieu, Thuấn thuở xưa
Khổ ngăn Sào Phủ, khôn ngừa Hứa Do...
Thì Vân Tiên nhận xét:
Rừng Nhu biển thẳng mênh mông
Để ai lặn lội cho cùng vẫy vầy!"*



Khu Di tích lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu tại tỉnh Bến Tre cũ, nay là tỉnh Vĩnh Long. Ảnh sưu tầm

Qua tác phẩm Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu chấp nhận rằng những nhân sinh quan trái ngược hẳn nhau. Đi sâu vào quan niệm về tam cương, ngũ thường của Nguyễn Đình Chiểu, ta càng thấy rõ tư tưởng của ông có tính nhân dân sâu sắc chứ không phải là đạo lý cứng nhắc của Khổng Mạnh và Tống Nho. Nhân vật ông Quán tức là một tri thức không thích công danh, đi làm nghề bán

hàng cơm, Nguyễn Đình Chiểu đã lên án hết sức các vua chúa thuở xưa làm hại dân. Tất cả mọi thứ ghét của ông Quán là ghét các vua chúa làm cho dân "sa hãm, sẩy hang", "làm than", "làm dân nhọc nhằn", "lãng nhằng rối dân"; ông "ghét cay ghét đắng ghét vào tận tâm". Nói là "ghét đời" nhưng thật chỉ là ghét vua chúa tàn ác của đời ấy. Đối với các vua như thế thì "trung" sao được.

Có thể nói, nếu nhập thế của Nguyễn Công Trứ chủ yếu được hiện thực hóa thông qua trách nhiệm đối với quân vương và triều đình thì ở Nguyễn Đình Chiểu, đạo trước hết hướng đến con người bình thường với những đau khổ rất cụ thể của họ. Đây chính là sự dịch chuyển trọng tâm từ đạo phụng sự quân quyền sang đạo phụng sự con người, đồng thời là dấu ấn của sự tiếp biến tinh thần nhập thế của Phật giáo trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu.

Nếu Lục Vân Tiên thực hành đạo bằng nghĩa hiệp thì Ngư và Tiểu thực hành đạo bằng y thuật. Trong tác phẩm, nghề y không được nhìn nhận như một phương tiện mưu sinh hay cầu danh, mà là con đường cứu người, cứu đời. Hình tượng trung tâm của tác phẩm là người thầy thuốc, hiện thân của một lối hành đạo không tách rời đời sống thực tại mà gắn liền với thân phận con người đang chịu khổ đau ngay trước mắt:

*"Thấy người hoạn nạn chẳng nề,
Cứu cho qua khỏi lời thề mới yên"*

Người thầy thuốc được đánh giá trước hết ở y đức, ở khả năng cứu chữa sinh mạng chứ không phải ở địa vị hay lợi ích vật chất. Chính vì vậy, Nguyễn Đình Chiểu nhiều lần phê phán những người hành nghề chạy theo lợi lộc, đồng thời khẳng định rằng y thuật chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn với lòng nhân và trách nhiệm đối với người bệnh:

*"Giúp người chẳng vụ tiếng danh,
Chẳng màng của lợi, chẳng ganh ghét tài.
Biết không, không biết mặc ai,
Chuyên nghề làm phải, chẳng nài thiệt hơn"*

Ngay cả trong Dương Từ – Hà Mậu, nơi Nguyễn Đình Chiểu trực tiếp đối thoại với các tôn giáo đương thời, điều ông quan tâm cũng không phải là sự đúng sai của giáo lý, mà là giá trị thực tiễn của việc hành đạo. Xuyên suốt hành trình của Dương Từ và Hà Mậu, tác giả liên tục đặt ra câu hỏi: đạo nào có thể giúp con người sống tốt hơn, biết làm điều thiện và có ích cho xã hội? Vì thế, đối tượng phê phán của Nguyễn Đình Chiểu không phải bản thân Phật giáo, mà là những biểu hiện của lối tu hành xa rời cuộc sống, coi giải thoát cá nhân là mục đích cuối cùng mà quên đi trách nhiệm đối với cộng đồng.

*“Tu mà chẳng sửa tính tình,
Khác chi tô tượng vẽ hình bên ngoài”*

Tinh thần Phật giáo nhập thế trong Dương Từ – Hà Mậu không nằm ở việc phủ nhận thế gian, mà ở chỗ khẳng định thế gian chính là nơi thực hành đạo lý. Tu không phải là thoát ly cuộc đời, mà là tỉnh thức trước hành vi của chính mình và trước nhiều cám dỗ của thế giới bên ngoài mà đánh mất chính mình:

*“Xin đừng ngược trá lẽ trời
Cũng đừng trốn lánh việc đời thời xong”*

Sự chuyển hóa ấy đã tạo nên nền tảng tư tưởng xuyên suốt ba truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu. Đạo không còn là hệ thống chuẩn mực được bảo đảm bởi địa vị xã hội hay hình thức tu hành, mà trở thành nguyên tắc hành động được kiểm chứng trong chính đời sống. Nói cách khác, đạo được soi sáng bởi đời, và cũng chính trong đời mà giá trị của đạo được khẳng định. Đây là điểm xuất phát để Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục chuyển hóa tinh thần từ bi thành lý tưởng nhân nghĩa và mở rộng đạo làm người thành trách nhiệm phụng sự cộng đồng ở những phương diện tiếp theo.

Như vậy, trong truyện thơ Nôm Nguyễn Đình Chiểu, tinh thần Phật giáo nhập thế trước hết được thể hiện ở quan niệm sống và lý tưởng hành đạo: sống giữa đời để hành đạo, lấy cứu người và phụng sự xã hội làm thước đo giá trị con người. Nguyễn Đình Chiểu không tiếp nhận Phật giáo như một hệ thống tín lý, mà tiếp nhận tinh thần nhập thế như một phương thức tái kiến tạo đạo làm người trong bối cảnh thế kỷ XIX. Đây chính là cơ sở tư tưởng để các biểu hiện nhập thế tiếp tục được triển khai cụ thể hơn qua hành động cứu người và giáo hóa nhân tâm trong các tác phẩm của ông.



Khu di tích lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu tại tỉnh Bến Tre cũ, nay là tỉnh Vĩnh Long. Ảnh sưu tầm

2.2 Từ bi và nhân nghĩa: sự gặp gỡ của hai hệ giá trị trong lý tưởng sống của tác giả Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu đã kiến tạo một điểm gặp gỡ giữa hai hệ giá trị có ảnh hưởng sâu rộng trong văn hóa truyền thống Việt Nam: từ bi của Phật giáo và nhân nghĩa của Nho giáo. Đây không phải là sự đồng nhất hai phạm trù vốn hình thành từ những nền tảng triết học khác nhau, cũng không phải sự thay thế hệ giá trị này bằng hệ giá trị khác, mà là quá trình tiếp biến, trong đó những giá trị tương đồng được dung hợp để cùng hướng đến một mục tiêu chung là cứu người, giúp đời và kiến tạo một xã hội giàu lòng nhân ái.

Trong Phật giáo, từ bi là phẩm chất cốt lõi của hạnh Bồ Tát. "Từ" là đem niềm vui đến cho muôn loài, "bi" là cứu giúp chúng sinh thoát khỏi khổ đau. Lòng từ bi vì thế không dừng lại ở sự cảm thông mà luôn gắn với hành động cứu khổ, lợi tha. Trong khi đó, Nho giáo xem nhân nghĩa là nền tảng của đạo làm người. Khổng Tử quan niệm "*nhân giả ái nhân*" (người có nhân là người biết yêu người), còn Mạnh Tử khẳng định lòng trắc ẩn là điểm khởi đầu của đức nhân. Nếu từ bi hướng đến tất cả chúng sinh trên cơ sở bình đẳng thì nhân nghĩa nhấn mạnh trách nhiệm đạo đức của con người trong các quan hệ xã hội. Dù khác nhau về nền tảng triết học và phương thức diễn giải, cả hai đều gặp nhau ở một điểm cốt lõi: lấy con người làm trung tâm và xem việc mang lại lợi ích cho con người là giá trị cao nhất của đạo.

Là một nhà Nho sống trong môi trường văn hóa Việt Nam, Nguyễn Đình Chiểu không đặt từ bi và nhân nghĩa trong thế đối lập. Ngược lại, ông tiếp nhận những giá trị gần gũi giữa hai truyền thống để kiến tạo một quan niệm đạo đức mang đậm bản sắc dân tộc. Điều đáng chú ý là trong ba truyện thơ Nôm, tác giả hầu như không bàn luận trực tiếp về phạm trù từ bi của Phật giáo, cũng không diễn giải giáo lý nhà Phật. Thay vào đó, tinh thần thương người và cứu người được biểu hiện thông qua ngôn ngữ của nhân nghĩa, nghĩa hiệp và y đức – những khái niệm quen thuộc với hệ tư tưởng Nho giáo nhưng lại chuyên chở nội dung rất gần với tinh thần cứu khổ, lợi tha của Phật giáo.

Trong Lục Vân Tiên, hành động đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga thường được nhìn nhận như biểu hiện của đạo nghĩa người quân tử. Tuy nhiên, nếu đặt trong mạch tư tưởng của toàn tác phẩm, có thể thấy điều thúc đẩy Lục Vân Tiên hành động không phải là khát vọng lập công hay tìm kiếm danh tiếng, mà là sự thôi thúc trước nỗi bất hạnh của người khác. Sau khi cứu người, chàng không nhận báo đáp mà chỉ xem việc giúp người là lẽ tự nhiên của đạo làm người: *"Làm ơn há dễ trông người trả ơn."*

Điều đáng chú ý là mọi hành động nghĩa hiệp đều không nhằm tìm kiếm công danh hay báo đáp, mà xuất phát từ một quan niệm đạo đức đã trở thành lẽ tự nhiên:

*"Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ
Đốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn?"*

Hay:

*"Lão Tiều mới nói thôi thôi
Làm ơn mà lại trông người trả ơn"*

Chính sự vô cầu ấy tạo nên điểm tương thông giữa nhân nghĩa của Nho giáo với tinh thần lợi tha của Phật giáo. Hành động nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên vì thế không chỉ là sự thực hành đạo đức của một nhà Nho mà còn phản ánh một quan niệm nhân văn rộng mở, trong đó việc cứu người trở thành giá trị tự thân.

Tinh thần ấy tiếp tục được mở rộng trong Ngư Tiều y thuật vấn đáp. Nếu ở Lục Vân Tiên, cứu người được thực hiện bằng nghĩa hiệp thì ở tác phẩm này, cứu người trở thành một lý tưởng nghề nghiệp. Nguyễn Đình Chiểu không xem y thuật đơn thuần là tri thức chuyên môn mà là một biểu hiện của đạo làm người. Việc truyền dạy y thuật đồng thời là quá trình truyền trao giá trị đạo đức, hướng con người đến lối sống nhân ái, biết quan tâm đến nỗi khổ của tha nhân. Người thầy thuốc chân chính phải lấy việc cứu chữa sinh mạng làm lẽ sống, đặt nỗi đau của người bệnh lên trên lợi ích cá nhân.

Quan niệm ấy vừa phù hợp với truyền thống y đức, vừa gặp gỡ với tinh thần từ bi của Phật giáo ở chỗ cùng xem việc xoa dịu khổ đau của con người là biểu hiện cao nhất của đạo đức. Bởi vậy, trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu, lòng từ bi không chỉ được thực hiện bằng hành động nghĩa hiệp mà còn được thể hiện qua sự tận tụy, hy sinh và tôn trọng đối với mạng sống của người khác:

*“Trời đông sùi sụt gió mưa tây,
Đau ốm lòng dân cậy cổ thầy
Phương cũ vua tôi gìn trước mắt
Mạng nay, già trẻ gửi trong tay”*

Trong Dương Từ – Hà Mậu, sự gặp gỡ giữa từ bi và nhân nghĩa được thể hiện ở một bình diện tư tưởng sâu hơn. Hành trình trải nghiệm các cảnh giới của nhân vật không nhằm mục đích phô diễn yếu tố kỳ ảo, mà yếu tố giáo hóa giữ vai trò trung tâm hướng đến việc cảnh tỉnh con người trước lối sống sai lệch. Việc giáo hóa không diễn ra bằng những lời thuyết giảng giáo lý trực tiếp, mà thông qua trải nghiệm nhân sinh cụ thể, gần gũi với tâm thức đại chúng:

*“Cùng nhau bàn luận việc đời
Theo đường nhân nghĩa bỏ vời dị đoan”*

Qua đó, Nguyễn Đình Chiểu thể hiện quan niệm nhập thế của Phật giáo như một con đường dẫn dắt con người nhận ra quy luật nhân – quả, từ đó tự điều chỉnh hành vi và thái độ sống.

*“Ở đừng vô đạo ở đừng vô luân
Đã sa vào tội bất nhân
Dầu cho muôn kiếp cải thân ra gì”*

Đặt trong tương quan với tác giả Nguyễn Du, có thể nhận thấy cả hai đều chịu ảnh hưởng của truyền thống nhân văn được nuôi dưỡng từ sự giao thoa giữa Nho giáo và Phật giáo. Nguyễn Du nhấn mạnh sự nhỏ nhoi, hữu hạn của đời người giữa dòng thời gian, không gian vô hạn và đầy biến động của cõi đời. Ông cảm thương cho con người bị cuốn vào cuộc đời dâu bể và hoàn toàn bất lực trước sự chi phối của tạo hóa *“tài mệnh tương đố”*. Theo Nho giáo thì con người bị cái mệnh trời (thiên mệnh) chi phối, không thể thoát khỏi. Theo Phật giáo thì con người bị nhân quả nghiệp báo chi phối:

*“Trăm năm trong cõi người ta
Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu”*

Nguyễn Đình Chiểu lại hướng nhân vật đến việc chủ động xoa dịu và hóa giải những bất hạnh ấy bằng hành động:

*“Làm người cho biết nghĩa sâu
Gặp cơn hoạn nạn cùng nhau cho tròn”*

Sự khác biệt này không phản ánh mức độ ảnh hưởng của Phật giáo hay Nho giáo ở mỗi tác giả, mà cho thấy sự khác nhau trong cách hiện thực hóa lý tưởng nhân văn: một bên thiên về sự cảm thông và chiêm nghiệm, một bên nhấn mạnh trách nhiệm hành động và thực hành đạo đức. Có thể nói, sự tiếp biến tinh thần nhập thế của Phật giáo trong ba truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu không làm mờ đi bản sắc Nho giáo của tác giả, mà góp phần mở rộng nội hàm của khái niệm nhân nghĩa.

Từ đây, nhân nghĩa không chỉ là chuẩn mực trong các mối quan hệ luân lý theo quan niệm Nho giáo mà còn thấm đẫm tinh thần từ bi, cứu khổ và lợi tha của Phật giáo. Chính sự gặp gỡ giữa hai hệ giá trị ấy đã tạo nên một quan niệm đạo đức giàu tính nhân văn, trong đó mục tiêu cuối cùng của mọi hành động không phải là công danh hay những mưu cầu của riêng bản thân, mà là mang lại lợi ích cho con người và cộng đồng. Đó cũng chính là một trong những biểu hiện rõ nét của sự tiếp biến tinh thần nhập thế trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu, góp phần định hướng đạo đức và ổn định nhân tâm trong bối cảnh xã hội Việt Nam thế kỷ XIX nhiều biến động.

2.3 Ý thức dân tộc - kết tinh của sự tiếp biến tinh thần nhập thế trong đạo làm người của Nguyễn Đình Chiểu

Nếu ở hai phương diện trước, sự tiếp biến tinh thần nhập thế của Phật giáo được thể hiện qua việc đưa đạo trở về với đời sống hiện thực và dung hợp tinh thần từ bi với lý tưởng nhân nghĩa, thì ở phương diện này, quá trình tiếp biến ấy đạt đến một cấp độ cao hơn: từ đạo làm người chuyển hóa thành ý thức đối với vận mệnh dân tộc.

Đây không phải là sự thay đổi trong hệ giá trị của Nguyễn Đình Chiểu mà là sự vận động nội tại của chính lý tưởng nhân nghĩa. Nói cách khác, khi đạo làm người được đặt trong hoàn cảnh đất nước rơi vào biến động lịch sử, việc thực hành nhân nghĩa không còn chỉ hướng đến một cá nhân hay một cộng đồng nhỏ mà tất yếu quy tụ vào trách nhiệm gìn giữ những giá trị làm nên sự tồn tại của dân tộc. Chính ở điểm này, tinh thần nhập thế của Phật giáo sau khi được tiếp biến trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu đã vượt khỏi phạm vi đạo đức cá nhân

để trở thành một ý thức văn hóa – lịch sử.

Sự vận động ấy có thể nhận thấy rõ qua ba truyện thơ Nôm. Nếu Lục Vân Tiên chủ yếu triển khai đạo làm người trong các quan hệ ứng xử hàng ngày thì đến Ngự Tiều y thuật vấn đáp và Dương Từ – Hà Mậu, phạm vi của đạo đã được mở rộng thành những vấn đề liên quan đến sự tồn vong của đời sống tinh thần xã hội. Đây là sự phản ánh quá trình phát triển trong tư tưởng của chính Nguyễn Đình Chiểu, gắn với những biến động dữ dội của đất nước từ trước đến sau khi thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ.

Trong Lục Vân Tiên, hành động nghĩa hiệp của nhân vật trước hết hướng đến việc bảo vệ con người cụ thể. Những việc hành hiệp trượng nghĩa xuyên suốt tác phẩm luôn hành động theo nguyên tắc: thấy điều bất bình thì không thể khoanh tay đứng nhìn.

*"Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài...
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng..."*



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm)

Câu thơ thường được nhìn nhận như biểu hiện của nhân nghĩa Nho giáo, nhưng nếu đặt trong mạch tư tưởng nhập thế của Phật giáo, có thể thấy ở đó còn hàm chứa tinh thần vô cầu trong hành thiện: người làm điều thiện không vì lợi ích của bản thân mà vì nỗi khổ của người khác. Chính sự thống nhất giữa "*nghĩa*" và "*từ bi*" ấy đã tạo nên động lực cho mọi hành động của Lục Vân Tiên.

Tuy nhiên, điều đáng lưu ý hơn là Nguyễn Đình Chiểu không dừng ở những hành vi ứng xử riêng lẻ mà thông qua hệ thống nhân vật: ông Ngự, ông Tiều, ông Quán, bà lão..., tác giả xây dựng một cộng đồng mà ở đó việc cứu giúp người

khác trở thành nền tảng đạo đức chung. Nhân nghĩa không còn là phẩm chất của một cá nhân xuất chúng mà trở thành sức mạnh gìn giữ trật tự xã hội mà bất cứ ai cũng có quyền thể hiện.

*"Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,
Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan,
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần
Ghét đời Ngũ bá phân vân,
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn"*

Theo tác giả Bùi Thanh Ba: *"trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu, nước với dân là một, không có nước không dân, cũng như không có dân không nước. Vì thương dân tha thiết, nên tình cảm yêu nước của ông cũng rạt rào như sóng biển. Ra từ câu thơ, từ dòng chữ, từ nét mực, và gieo rắc vào lòng người đọc một thứ u buồn man mác. ông thương nước và thương từng gốc cây, từng ngọn cỏ của đất nước".*

Đồng với quan điểm này, tác giả Hà Huy Giáp cũng nhận định: *"tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu là một thứ chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu vì dân, vì nước, vì phẩm giá con người, chủ nghĩa nhân đạo thực tiễn..."*. Qua đây, có thể thấy rằng: lập trường của nhà thơ là cái gì hại đến dân là xấu là tà, và cái gì ích nước lợi dân là tốt, là chính. Đọc Nguyễn Đình Chiểu, ta không thể không nhớ lại Nguyễn Trãi, nhà chính trị và cũng là nhà thơ lớn thế kỷ thứ XV với câu nói bất hủ:

*"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân;
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo"*

Lý tưởng ấy tiếp tục được phát triển trong tác phẩm Ngư Tiều y thuật vấn đáp, hướng tới việc cứu người như một trách nhiệm lâu dài đối với xã hội. Nghề y, dưới ngòi bút của tác giả Nguyễn Đình Chiểu, không chỉ là phương tiện mưu sinh mà trước hết là một con đường hành đạo. Việc chữa bệnh không chỉ nhằm bảo vệ sinh mạng của từng cá nhân mà còn góp phần duy trì sức sống của cộng đồng:

*"Đứa ăn mày cũng trời sinh
Bệnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không"*

Tác giả nhiều lần phê phán những thầy thuốc chạy theo lợi danh bất chấp việc làm trái với y đức, trái với đạo lý làm người. Trong tác phẩm này, người đọc có thể thấy được đạo làm người đã vượt khỏi khuôn khổ của các quan hệ luân lý

truyền thống để gắn với trách nhiệm xã hội, với cộng đồng. Tinh thần từ bi của Phật giáo và nhân nghĩa của Nho giáo tiếp tục gặp nhau ở điểm chung là cùng lấy việc xoa dịu nỗi khổ của con người làm mục tiêu tối hậu.

Đến Dương Từ – Hà Mậu, sự vận động của tư tưởng nhập thế được thể hiện ở bình diện rộng hơn. Tác phẩm không chỉ đặt vấn đề con người nên sống như thế nào mà còn đặt câu hỏi xã hội cần được dẫn dắt bởi hệ giá trị nào.

*“Đạo trời nào phải có đâu xa
Gọi tấm lòng người há thấy ra.
Theo nghĩa ai đành làm phản nước,
Có nhân đâu nỡ phụ tình nhà.
Xưa nay đời chuộng đường trung hiếu
Sách vở còn ghi lẽ chính tà”.*

Cuộc đối thoại giữa các học thuyết trong tác phẩm thực chất là hành trình tìm kiếm một con đường có khả năng cứu đời trong bối cảnh đạo đức xã hội rơi vào khủng hoảng. Vì vậy, điều Nguyễn Đình Chiểu phê phán không phải là Phật giáo hay bất kỳ tôn giáo nào, mà là mọi biểu hiện khiến đạo trở nên xa rời cuộc sống, khiến con người đánh mất trách nhiệm đối với cộng đồng. Tiêu chuẩn cuối cùng để đánh giá một học thuyết không nằm ở giáo lý mà ở khả năng làm cho con người sống nhân hậu hơn, xã hội tốt đẹp hơn. Đó cũng chính là tinh thần nhập thế mà Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp biến từ Phật giáo: đạo chỉ có ý nghĩa khi trở thành nguồn lực cải hóa cuộc đời.

Sự vận động từ đạo làm người đến ý thức dân tộc trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu không chỉ được thể hiện qua sự phát triển của hệ thống hình tượng nghệ thuật mà còn được kiểm chứng bởi chính lựa chọn sống của tác giả. Đây cũng là điểm làm nên sự khác biệt của Nguyễn Đình Chiểu so với nhiều khuynh hướng tư tưởng cùng thời. Nếu một số nhà Nho vẫn xem trung quân là biểu hiện cao nhất của lòng yêu nước thì Nguyễn Đình Chiểu từng bước chuyển trọng tâm từ *"trung quân"* sang *"vị dân"*. Sau biến cố mù lòa, rồi trước thảm họa mất nước từ năm 1858, Nguyễn Đình Chiểu không còn điều kiện thực hiện chí hướng lập thân theo con đường khoa cử của nhà Nho.

Tuy nhiên, sự thay đổi của hoàn cảnh không làm thay đổi hệ giá trị mà ông theo đuổi. Nói cách khác, con đường hành đạo của Nguyễn Đình Chiểu có thể thay đổi về hình thức, nhưng chưa bao giờ thay đổi về mục đích. Chính sự thống nhất giữa sáng tác và hành động đã làm cho tinh thần nhập thế trong tác phẩm không dừng lại ở một lý tưởng nghệ thuật mà trở thành một phương thức hiện hữu của đời sống.

Ở phương diện này, có thể nhận thấy một điểm gặp gỡ đáng chú ý với truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Từ thời Lý – Trần, tinh thần "*hộ quốc an dân*" đã đưa việc tu hành vượt khỏi phạm vi giải thoát cá nhân để gắn với trách nhiệm đối với xã hội và đất nước. Tuy nhiên, nếu các thiền sư đời Trần thực hiện lý tưởng ấy từ vị thế của những người trực tiếp tham gia vào việc trị quốc thì Nguyễn Đình Chiểu lại hiện thực hóa nó trong hoàn cảnh hoàn toàn khác: một trí thức mù lòa, sống giữa cảnh nước mất, không còn điều kiện tham dự chính trường.

Chính vì vậy, sự nhập thế ở Nguyễn Đình Chiểu không biểu hiện bằng quyền lực chính trị mà bằng đạo đức. Ông lựa chọn giữ gìn căn cốt văn hóa của dân tộc thông qua giáo dục, y đạo và văn chương. Đó là một sự tiếp nối tinh thần nhập thế của Phật giáo, nhưng đồng thời cũng là một sự tái kiến tạo phù hợp với hoàn cảnh lịch sử Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX.

Đặt Nguyễn Đình Chiểu trong tiến trình văn học dân tộc, vị trí ấy càng trở nên rõ nét. Nhiều nhà Nho như Nguyễn Công Trứ hay Cao Bá Quát đều thể hiện tinh thần nhập thế mạnh mẽ, song con đường nhập thế chủ yếu vẫn gắn với chí lập công, lập danh và khát vọng cải biến xã hội thông qua thiết chế chính trị của triều đình.

Đến cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, ý thức dân tộc tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong sáng tác và hoạt động của các sĩ phu như Phan Văn Trị, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, nhưng lúc này đã mang màu sắc chính trị và cách mạng rõ rệt. Nguyễn Đình Chiểu đứng ở vị trí chuyển tiếp giữa hai chặng đường ấy. Điều ông lựa chọn là xây dựng một nền tảng đạo đức để nâng đỡ ý thức dân tộc. Chính vì vậy, trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu, yêu nước trước hết là yêu con người, giữ đạo nghĩa, bảo vệ những giá trị làm nên bản sắc văn hóa của dân tộc.

Từ góc độ tiếp biến văn hóa, có thể thấy Nguyễn Đình Chiểu không tiếp thu tinh thần nhập thế của Phật giáo như một hệ thống giáo lý hoàn chỉnh, mà tiếp nhận hạt giống nhân nhân văn rồi dung hợp với truyền thống nhân nghĩa của Nho giáo để kiến tạo một quan niệm đạo đức mang bản sắc Việt Nam. Quá trình ấy diễn ra không phải bằng sự vay mượn khái niệm hay mô phỏng giáo lý, mà bằng sự chuyển hóa trong chính cách nhìn về con người và trách nhiệm xã hội.

Vì thế, điều được tiếp biến không phải là hình thức của Phật giáo mà là tinh thần hành đạo giữa cuộc đời, lấy lợi ích của con người làm chuẩn mực cao nhất cho mọi hành động. Khi đặt trong hoàn cảnh đất nước đứng trước thử thách sinh tử của lịch sử, tinh thần ấy tự nhiên quy tụ vào trách nhiệm đối với dân tộc.

III. Kết luận

Qua khảo sát ba truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu và Ngư Tiều y thuật vấn đáp, có thể khẳng định tinh thần nhập thế của Phật giáo là một trong những nguồn tư tưởng quan trọng được Nguyễn Đình Chiểu tiếp nhận và chuyển hóa trong quá trình kiến tạo hệ giá trị đạo đức của mình. Tuy nhiên, sự hiện diện của Phật giáo trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu không biểu hiện ở việc tiếp thu nguyên vẹn giáo lý hay hệ thống triết lý nhà Phật, mà ở sự tiếp biến một cách chủ động, sáng tạo, dung hòa với nền tảng nhân nghĩa của Nho giáo và yêu cầu lịch sử của dân tộc Việt Nam thế kỷ XIX.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể nhận diện bốn đặc trưng cơ bản của quá trình tiếp biến này như sau:

Thứ nhất, sự tiếp biến mang tính chọn lọc. Nguyễn Đình Chiểu không tiếp nhận toàn bộ tư tưởng Phật giáo mà chủ yếu kế thừa tinh thần tích cực, chủ động, phạm vi ứng dụng và lợi ích mang lại – đưa đạo vào đời, lấy cứu người, giúp đời làm mục đích của sự tu dưỡng. Điều được tiếp nhận là hạt giống nhân văn của Phật giáo chứ không phải hệ thống giáo lý mang tính tôn giáo.

Thứ hai, sự tiếp biến diễn ra theo cơ chế dung hợp. Trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu, tinh thần từ bi của Phật giáo và nhân nghĩa của Nho giáo được hòa quyện trong một lý tưởng thống nhất về đạo làm người. Chính sự dung hợp ấy đã tạo nên bản sắc riêng trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời phản ánh đặc điểm tiếp biến văn hóa của người Việt: không phủ định các hệ tư tưởng khác nhau mà điều hòa chúng trên cơ sở những giá trị chung hướng đến con người.

Thứ ba, sự tiếp biến gắn chặt với hoàn cảnh lịch sử dân tộc. Trước những biến động của thế kỷ XIX, tinh thần nhập thế không còn dừng lại ở việc hoàn thiện nhân cách hay cứu giúp từng cá nhân mà từng bước quy tụ vào trách nhiệm đối với cộng đồng và đất nước. Từ đó, đạo làm người được nâng lên thành ý thức dân tộc – một kết quả tự nhiên của quá trình Việt hóa tinh thần nhập thế trong bối cảnh đất nước đối mặt với nguy cơ mất chủ quyền.

Thứ tư, sự tiếp biến mang tính tái kiến tạo. Nguyễn Đình Chiểu không chỉ kế thừa mà còn sáng tạo một hệ giá trị mới, trong đó đạo đức cá nhân, trách nhiệm xã hội và vận mệnh dân tộc được thống nhất trong cùng một lý tưởng sống. Chính sự tái kiến tạo ấy đã làm cho tinh thần nhập thế của Phật giáo vượt khỏi phạm vi của một tư tưởng tôn giáo để trở thành một bộ phận hữu cơ trong đạo làm người Việt Nam.

Từ góc nhìn đó, bài viết cho rằng giá trị đặc sắc của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ nằm ở việc dung hợp Nho giáo với Phật giáo, mà còn ở khả năng Việt hóa tinh thần nhập thế thành một hệ giá trị đạo đức mang bản sắc dân tộc. Đây cũng chính là đóng góp tư tưởng quan trọng của ông đối với văn học Việt Nam thế kỷ XIX: từ sự gặp gỡ của các truyền thống văn hóa phương Đông, Nguyễn Đình Chiểu đã kiến tạo một lý tưởng sống trong đó phụng sự con người, gìn giữ đạo lý và bảo vệ dân tộc được đề cao một cách tối đa, có tác dụng thức tỉnh con người trước những biến động của lịch sử.

Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Thanh Ba, Qua “Ngư Tiều vấn đáp” tìm hiểu thế giới quan Nguyễn Đình Chiểu, nguồn: <https://nguyendinhchieu.vn/ndc.nsf/chi-tiet-nghien-cuu/qua-ngu-tieu-van-dap-tim-hieu-the-gioi-quan-nguyen-dinh-chieu.html>
2. Ca Văn Thỉnh và cộng sự (2016), Nguyễn Đình Chiểu toàn tập, Nxb. Văn học, Hà Nội.
3. Hà Huy Giáp, Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ lớn yêu nước, một tấm gương kiên trung bất khuất, nguồn: <https://nguyendinhchieu.vn/ndc.nsf/chi-tiet-nghien-cuu/nguyen-dinh-chieu-nha-tho-yeu-nuoc-lon-chong-xam-lang.html>
4. Nguyễn Quang Long (2023), Khí phách Nguyễn Công Trứ qua thơ ca và nhạc, Tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật, số 550, tháng 10/2023.
5. Thích Phước Đạt (2023), Phật quốc thời Lý – Trần – một vài khảo cứu, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội
6. Thích Quảng Minh, Sơ lược về tư tưởng nhập thế ban đầu của Phật giáo, nguồn: <https://chuaxaloi.vn/thong-tin/so-luoc-ve-tu-tuong-nhap-the-ban-dau-cua-phat-giao/3341.html>
7. Trần Đình Sử (2022), Kịch tính trong truyện Kiều, nguồn: <https://trandinh-su.wordpress.com/2022/04/01/kich-tinh-trong-truyen-kiem/>
8. Trần Nho Thìn (2019), Trường hợp Nguyễn Công Trứ với lý luận đọc văn học, Tạp chí Lý luận phê bình văn học – nghệ thuật, số 5/2019.
9. Trần Văn Giáp (1968), Phật giáo Việt Nam từ khởi nguồn đến thế kỷ XIII, Thư viện ĐH Vạn Hạnh.
10. Tỳ kheo Indacanda (2013), Mahavagga (Đại Phẩm), tập 1, Chương Trọng Yếu, Tụng Phẩm thứ nhì, nguồn https://www.tamtangpaliviet.net/VHoc/04/04_01.html#01.1

11. Viện Văn học (1989), Thơ văn Lý – Trần, tập 2, Quyển Thượng, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Tác giả: **Nguyễn Thị Kiều Thu (Thích nữ Nhuận Bảo)**

Học viên Cao học ngành Văn học Việt Nam – Khóa 2022

Trường Đại học Văn Hiến – TP.Hồ Chí Minh